

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, trên cơ sở khảo sát việc làm từ ngày 17/11/2023 đến ngày 31/12/2023, Trường Đại học Điện lực (sau đây gọi tắt là Trường) báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2022. Cụ thể như sau:

I. Thông tin về đợt khảo sát

1. Mục đích khảo sát

Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là SVTN) là hoạt động hàng năm của Trường với các mục đích cụ thể sau:

- Nhằm thu nhận thông tin khách quan về “sản phẩm đào tạo” của Trường, giúp Nhà trường có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo... phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Kết nối cựu sinh viên, tranh thủ tối đa sự ủng hộ về mọi mặt nhằm hỗ trợ các đối tượng người học cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ sự phát triển Nhà trường.

2. Nội dung khảo sát

- Khảo sát về thực trạng việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp: tỷ lệ sinh viên có việc làm; thời gian có việc làm sau tốt nghiệp; nội dung công việc so với ngành được đào tạo; các kiến thức, kỹ năng được học với yêu cầu công tác; mức thu nhập bình quân hàng tháng; tương lai nghề nghiệp...

- Khảo sát xu hướng việc làm của sinh viên, khu vực làm việc (nhà nước, tư nhân, có yếu tố nước ngoài hay tự tạo việc làm), ngành nghề nhu cầu xã hội...

- Điều tra lý do SVTN chậm hoặc không tìm được việc làm; những kiến thức, kỹ năng nào sinh viên cần bổ sung trước khi tốt nghiệp; ý kiến đóng góp, hiến kế nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo của Nhà trường...



3. Đối tượng và số lượng khảo sát

- **Đối tượng:** SVTN đại học hệ chính quy tốt nghiệp trong khoảng thời gian từ 01/01/2022 đến 31/12/2022.

- **Số lượng khảo sát:** 1.469 SVTN.

4. Hình thức khảo sát

- Khảo sát qua gọi điện thoại và các hình thức khác thông qua mạng xã hội như: Facebook, zalo, viber, skype, google drive...

5. Tổ chức thực hiện

- Từ 17/11-18/11/2023:

+ Phòng KT&ĐBCL được phân công là đơn vị đầu mối, có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai thực hiện việc điều tra, khảo sát và thu thập thông tin về tình hình việc làm của SVTN theo các hướng dẫn tại công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH, ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thống nhất mẫu phiếu khảo sát.

+ Phòng Đào tạo cung cấp danh sách sinh viên kèm theo các Quyết định công nhận tốt nghiệp, số liệu SVTN từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 phục vụ cho công tác điều tra, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp.

+ Phòng KT&ĐBCL xử lý và chuyển dữ liệu sinh viên tốt nghiệp trong năm 2022 (với đầy đủ các thông tin phục vụ công tác điều tra tình hình việc làm) cho các Khoa quản lý chương trình đào tạo có sinh viên tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là các Khoa);

- Từ 18/11-08/12/2023:

+ Các Khoa triển khai đến các cố vấn học tập thực hiện khảo sát bằng các phương thức khác nhau như gọi điện, thông qua mạng xã hội; Phân tích số liệu, tiếp nhận các ý kiến góp ý để điều chỉnh kế hoạch, hoạt động tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Lưu trữ lâu dài kết quả khảo sát, dữ liệu cụ thể sinh viên để phục vụ cho các hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

- Từ 09/12-31/12/2023:

+ Phòng KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối, có trách nhiệm lập báo cáo tổng hợp tình hình việc làm của SVTN theo ngành đào tạo, tiến hành phân tích kết quả, trình Hiệu trưởng phê duyệt, báo cáo Bộ GD&ĐT, công khai trên hệ thống <http://svtn.moet.gov.vn/> và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

II. Kết quả khảo sát việc làm

1. Sự phản hồi của sinh viên tốt nghiệp

- Số SVTN được khảo sát: 1.469 (100% SVTN năm 2022).
- Số SVTN có phản hồi: 1.360 (chiếm 93% SVTN).
- Số SVTN không phản hồi: 109 (chiếm 7,0% SVTN).

2. Tình hình việc làm sinh viên

Theo kết quả khảo sát (chi tiết tại biểu mẫu kèm theo báo cáo), tỉ lệ sinh viên có việc làm là rất cao, nếu tính trên tổng số sinh viên phản hồi đạt 99%, trên tổng số sinh viên tốt nghiệp đạt 92%.

Số lượng sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo và liên quan đến ngành đào tạo (50%) đặc biệt là các ngành kỹ thuật. Số lượng sinh viên chưa có việc làm chiếm tỷ lệ thấp (1%), phần lớn là do đang học nâng cao về ngoại ngữ, kỹ năng mềm, học lên bậc sau đại học hoặc đang đợi kết quả tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp.

Khu vực việc làm của sinh viên phân bố chủ yếu ở 3 khu vực nhà nước, tư nhân, tự tạo việc làm và có yếu tố nước ngoài: số lượng sinh viên có việc làm ở khu vực tư nhân đạt tỷ lệ cao nhất (69%), tiếp đến là khu vực nhà nước (13%), khu vực có yếu tố nước ngoài (11%). Bên cạnh đó, một số lượng sinh viên đang có xu hướng tự tạo việc, thích lao động tự do, tự làm chủ sản xuất kinh doanh, nên khu vực này chiếm (8%) trong nhóm các khu vực việc làm.

III. KẾT LUẬN


Công tác khảo sát tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp đã được Trường triển khai nghiêm túc, trách nhiệm, theo đúng yêu cầu của Bộ GDĐT; các đơn vị liên quan trong Trường tích cực, chủ động thực hiện; đặc biệt là sự ủng hộ của phần đông cựu sinh viên trong đó có sinh viên tốt nghiệp trong năm 2022.

Về kết quả khảo sát cho thấy, nhu cầu của xã hội đối với 12 ngành đào tạo của Trường là cao và SVTN của Trường đã đáp ứng tương đối tốt được nhu cầu của thị trường lao động. Đây là một trong những thông tin quan trọng mà Nhà trường sẽ nghiên cứu và xem xét trong việc xây dựng đề án tuyển sinh năm học 2024-2025.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy Trường cần tiếp tục, chủ động hiệu chỉnh nội dung chương trình, phương pháp đào tạo theo hướng trang bị nhiều kiến thức thực tế và rèn luyện khả năng thích nghi với môi trường làm việc, gắn với nhu

câu của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân; trong các môn học cần trang bị thêm các kỹ năng về ngoại ngữ, kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành, kỹ năng quản lý, thúc đẩy tư duy và năng lực sáng tạo, phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu của sinh viên. Trường cần tiếp tục tăng cường hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp đặc biệt là các đơn vị sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp của Trường, lấy ý kiến của các doanh nghiệp để hiệu chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo.

Trên đây là kết quả khảo sát tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2022 của Trường Đại học Điện báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mọi chi tiết xin liên hệ Ông Doãn Thanh Bình – Phó trưởng phòng phụ trách phòng KT&ĐBCL (email: binhdt@epu.edu.vn, số điện thoại: 0904454355).

Trân trọng cảm ơn. 

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường (để biết);
- Website Epu.edu.vn;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL, AnhLT (01).

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Châu

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2023
(Hệ đại học chính quy - Sinh viên tốt nghiệp năm 2022)

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tên chuyên ngành	Đơn vị	Số SVTN		Số SV phân hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phân hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc			
					Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
									Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	ĐCN&DD (Hệ chính quy)	KTĐ	102	1	95	1	24	41	28	2	0	100%	93%	5	63	17	8
2	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Hệ thống điện (Hệ chính quy)		220	22	202	18	79	76	46	1	0	100%	92%	60	108	22	11
3	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	QLDA&CTD	XD	9	2	9	2	4	1	3	1	0	100%	100%	3	5	0	0
4	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	XDCTD		12	0	11	0	7	2	2	0	0	100%	92%	0	11	0	0
5	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	XDDD&CN		5	0	5	0	3	2	0	0	0	100%	100%	0	5	0	0
6	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử-truyền thông	ĐTVT	ĐTVT	82	5	81	5	24	37	20	0	0	100%	99%	6	42	16	17
7	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử-truyền thông	KTĐT		23	1	23	1	4	15	4	0	0	100%	100%	1	11	4	7
8	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử-truyền thông	TBĐT		12	0	12	0	5	4	3	0	0	100%	100%	1	9	0	2
9	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Công nghệ cơ điện tử	CNCK	67	0	63	0	23	34	5	1	0	100%	94%	8	44	0	11
10	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ chế tạo thiết bị điện		3	0	3	0	0	3	0	0	0	100%	100%	0	3	0	0
11	7520101	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ chế tạo máy		34	0	30	0	12	14	4	0	0	100%	88%	1	20	2	7
12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Năng lượng tái tạo	CNNL	6	1	3	0	0	2	1	0	0	100%	50%	0	3	0	0
13	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	Điện Hạt nhân		6	0	6	0	0	2	4	0	0	100%	100%	1	1	1	3

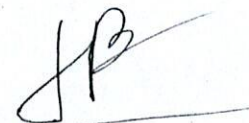
14	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện lạnh	CNNL	19	0	18	0	9	8	1	0	0	100%	95%	3	11	1	3
15	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Nhiệt điện		8	1	8	1	1	2	4	0	1	88%	88%	2	3	1	1
16	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm, Thương mại điện tử, Quản trị an ninh mạng	CNTT	116	33	91	25	50	34	6	1	4	100%	78%	10	66	5	9
17	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa và điều khiển thiết bị công nghiệp	ĐK&T ĐH	106	1	101	1	33	52	14	0	2	98%	93%	6	63	5	23
18	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Công nghệ tự động	ĐK&T ĐH	84	2	80	2	19	45	14	0	1	98%	93%	5	49	8	17
19	7510601	Quản lý công nghiệp	Quản lý năng lượng	QLCN &NL	40	12	28	12	4	9	15	0	0	100%	70%	5	14	4	5
20	7340301	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán doanh nghiệp	KTQL	256	233	240	212	56	167	10	0	0	97%	91%	15	44	0	0
21	7340301	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán kiểm soát		38	34	36	34	2	32	2	0	0	100%	95%	0	34	1	1
22	7340201	Tài chính ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp		72	42	70	42	22	44	4	0	0	100%	97%	1	20	0	0
23	7340101	Quản Trị Kinh Doanh	Quản trị doanh nghiệp		89	54	81	50	56	25	0	0	0	100%	91%	6	60	1	3
24	7340302	Kiểm toán	Kiểm toán		22	17	21	17	3	12	7	0	0	105%	100%	12	46	17	6
25	7340101	Quản Trị Kinh Doanh	Quản trị du lịch khách sạn		38	20	36	20	17	19	0	0	0	100%	95%	0	31	0	5
TỔNG					1469	481	1353	443	457	682	197	6	8	99%	91%	151	766	105	139

NGƯỜI LẬP



Lương Tuấn Anh

KT. TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Thanh Bình

Chú ý:

(2) (3) Mã, tên ngành: Ghi đúng quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017, không viết tắt, không thêm dấu chấm, dấu phẩy ở cuối.

Ví dụ: (2) **7210234** (3) **Điện viên kỹ thuật, điện ảnh - truyền hình**; mỗi ngành báo cáo tổng số cuối cùng trong một dòng, không báo cáo theo chuyên ngành. (Các mã ngành

(5) (6) Ghi đủ số sinh viên tốt nghiệp của năm, bao gồm số sinh viên tốt nghiệp chậm, bảo lưu từ những khóa trước.